ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 163 /KH-UBND	*Đại Đồng, ngày 07 tháng 7 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Đại Đồng

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 (Sau đây viết tắt là Quyết định số 1033/QĐ-TTg);

Thực hiện Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 06/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng yên về Triển khai thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Ủy ban nhân dân xã xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg trên địa bàn xã Đại Đồng như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ tại Quyết định số 1033/QĐ-TTg và tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã.

b) Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển kinh tế - xã hội xã, góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh lành mạnh và hiệu quả quản trị.

c) Từ việc triển khai hiệu quả các nhiệm vụ tại Quyết định số 1033/QĐ-TTg gop phần hình thành hệ sinh thái kinh tế số và xã hội số một cách toàn diện, trong đó lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể và động lực của chuyển đổi số.

d) Góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Yêu cầu

a)Việc triển khai Quyết định số 1033/QĐ-TTg trên địa bàn xã phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đọa thống nhất, xuyên suốt của các cấp ủy đảng, chính quyền tới các cơ sở thôn trong toàn xã.

b) Trong qua trình triển khai thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg cần phân công rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp đối với từng phòng, ban, ngành, đơn vị xã; xác định sản phẩm đầu ra và thời gian hoàn thành.

c) Phát huy hiệu quả công tác phối hợp triển khai thực hiện giữa các phòng, ban, ngành, đơn vị xã; thống nhất kết hợp hiệu quả giữa đầu tư công và đầu tư của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong toàn xã. Qua đó, huy động tối đa nguồn lực xã hội để triển khai thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg phù hợp tình hình thực tiễn của xã.

d) Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện theo lộ trình thời gian cụ thể và đánh giá tổng kết cả giai đoạn 2026-2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Nhằm phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới của xã, góp phần phát triển kinh tế số của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, thúc đẩy phát triển chính quyền số và xã hội số theo định hướng và đảm bảo quy định;

b) Nhằm xây dựng xã hội số an toàn, văn minh, thông minh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; phát triển chính quyền số dựa trên dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và công nghệ số tiên tiến.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Kinh tế số

Stt	Nội dung	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Phấn đấu kinh tế số đóng góp tối thiểu vào GRDP tỉnh	05%	06%	07%	08%
2	Số lượng doanh nghiệp được tiếp cận chương trình hỗ trợ chuyển đổi số	40%	60%	80%	100%
3	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng nền tảng số	25%	40%	50%	70%
4	Số lượt sản phẩm OCOP đủ điều kiện tham gia sàn thương mại điện tử	20%	30%	40%	50%
5	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai nền tảng quản trị số	40%	60%	80%	100%

b) Xã hội số

Stt	Nội dung	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Số hộ gia đình có khả năng tiếp cận	72%	75%	78%	80%

	Internet cáp quang với tốc độ 1 Gb/s				
2	Số lượng thôn được phủ sóng 5G	50%	60%	80%	100%
3	Số lượng người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử	70%	75%	80%	85%
4	Số lượng người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	30%	35%	45%	60%
5	Số lượng cơ sở giáo dục, y tế sử dụng nền tảng số	40%	60%	80%	100%
6	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số	90%	95%	98%	100%

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số

a) Thường xuyên thực hiện rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định về phát triển kinh tế số và xã hội số; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện quy định pháp luật về dữ liệu số, kinh tế số, xã hội số và trí tuệ nhân tạo.

b) Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

c) Thực hiện hiệu quả cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số dùng chung.

c) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp Nhân dân về vai trò, mục đích, ý nghĩa, tác động thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện đầu tư nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ và cung cấp sản phẩm, dịch vụ số phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Bằng hình thức hợp pháp thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Phát triển hạ tầng số và hạ tầng công nghệ số

a) Hạ tầng viễn thông

- Phổ cập hạ tầng cáp quang băng rộng chất lượng cao đến hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh. Xóa vùng lõm sóng di động, bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ viễn thông và Internet chất lượng cao. Từng bước ngầm hóa mạng cáp viễn thông tại các khu dân cư tập trung đông đúc và các khu có công ty, doanh nghiệp, có hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phủ sóng mạng di động băng rộng 5G trên phạm vi toàn xã; ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ hoạt động sản xuất kinh doanh, trung tâm hành chính, trường học, trạm y tế và các khu vực tập trung đông dân cư.

b) Hạ tầng dữ liệu

- Tiếp quan, vận hành, điều hành trung tâm dữ liệu xã theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý, chia sẻ dữ liệu theo quy định. Kết nối, khai thác hiệu quả các dữ liệu phục vụ nhu cầu công việc của xã tại Trung tâm dữ liệu dùng chung cảu quốc gia và của tỉnh.

- Khai thác, sử dụng thông tin hiệu quả, theo quy định, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng tại Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

c) Hạ tầng tính toán và trí tuệ nhân tạo (AI)

- Khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng trí tuệ nhân tạo dùng chung phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai ứng dụng các hệ thống phân tích dữ liệu lớn (Big Data), hỗ trợ dự báo, ra quyết định và chỉ đạo điều hành theo hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu.

3. Phát triển dữ liệu số, quản trị dữ liệu và kinh tế dữ liệu

a) Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời. Chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu; xây dựng danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của theo hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành Trung ương.

b) Xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu; thực hiện nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy trình quản lý dữ liệu. Phát triển dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng. Khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

c) Thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng dữ liệu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; hình thành các sản phẩm, dịch vụ dựa trên dữ liệu. Thực hiện mô hình kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu phù hợp theo chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh.

4. Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

a) Triển khai trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức trong xử lý công việc, đáp ứng yêu cầu trong thời đại số về phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng chính quyền số.

b) Phát triển chatbot và các công cụ AI hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin và dịch vụ công. Thúc đẩy ứng dụng AI trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, logistics và du lịch. Ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu, dự báo và hỗ trợ ra quyết định.

c) Khuyến khích doanh nghiệp, hộ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã vận dụng, sử dụng trợ lý ảo AI trong các hoạt động quản trị, quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh, ... của doanh nghiệp.

5. Bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

a) Triển khai đầy đủ mô hình bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của xã theo chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh. Thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu quan trọng theo quy định của pháp luật.

b) Chủ động phối hợp tăng cường giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố thông qua hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung (SOC). Định kỳ đánh giá, kiểm tra an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của xã.

c) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu, nhất là dữ liệu của tổ chức, cá nhân, dữ liệu chuyên ngành dùng chung, nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

6. Phát triển nguồn nhân lực số

a) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý về chuyển đổi số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo. Đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật về công nghệ số, dữ liệu số, AI và an toàn thông tin. Thực hiện các phương án, giải pháp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, được đào tạo chuyên về công nghệ thông tin.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân.

7. Phát triển công dân số và xã hội số

a) Phổ cập tài khoản định danh điện tử VNeID. Phổ cập chữ ký số, chữ ký điện tử cá nhân. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

b) Duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng xã, thôn. Khuyến khích người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số trong học tập, làm việc, sản xuất, kinh doanh và đời sống. Nâng cao kỹ năng số, kỹ năng an toàn thông tin cho người dân.

8. Thúc đẩy phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực

a) Nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác. Ứng dụng IoT, AI, dữ liệu lớn trong quản lý sản xuất nông nghiệp. Triển khai truy xuất nguồn gốc điện tử và sàn giao dịch nông sản số.

b) Công nghiệp: Phát triển hướng tới công ty, doanh nghiệp số, công ty, doanh nghiệp thông minh, sản xuất thông minh. Ứng dụng IoT, AI, robot và tự động hóa trong sản xuất. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp chuyển đổi số.

c) Thương mại và logistics: Phát triển thương mại điện tử. Thúc đẩy logistics số, chuỗi cung ứng số. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sàn thương mại điện tử.

d) Giáo dục: Tiếp tục triển khai học bạ số, hồ sơ học tập số. Định hướng xây dựng và phát triển trường học thông minh. Ứng dụng AI trong dạy và học.

đ) Y tế: Triển khai bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử. Ứng dụng AI trong khám chữa bệnh, quản lý y tế. Phát triển các nền tảng y tế số.

e) Văn hóa, thể thao và du lịch: Tiếp tục thực hiện số hóa di sản văn hóa. Xây dựng bản đồ số du lịch và phát triển du lịch thông minh. Ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, quản lý và phát triển du lịch.

g) Tài chính - Ngân hàng: Phát triển thanh toán số, phổ cập tài chính số nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện, tăng tính minh bạch và giảm chi phí giao dịch trong nền kinh tế. Mở rộng các phương thức thanh toán điện tử, đặc biệt là các kênh ngoài ngân hàng như tiền di động (Mobile Money), ví điện tử và các nền tảng thanh toán số; tăng cường cung cấp dịch vụ tài chính số tại khu vực nông thôn.

h) Các ngành, lĩnh vực khác: Các ngành, lĩnh vực khác, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo từng ngành, lĩnh vực, thực hiện chuyển đổi số phù hợp, hiệu quả; phát triển kinh tế số và xã hội số phù hợp với định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực mình.

9. Tuyên truyền, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế số và xã hội số. Tăng cường phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, đơn vị tỉnh liên quan nhằm thực hiện hiệu quả việc chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ về xã, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng chính quyền số, thúc đẩy paht triển kinh tế - xã hội xã.

b) Thường xuyên chủ động phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; đề xuất điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định pháp luật.

b) Huy động nguồn xã hội hóa hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

a) Là cơ quan đầu mối chủ trì triển khai Kế hoạch; tham mưu Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, điều phối, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

b) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu số, hạ tầng số, trí tuệ nhân tạo, kinh tế số, xã hội số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo chức năng, nhiệm vụ.

d) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ phát triển giáo dục số, trường học thông minh, học bạ số, học liệu số; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy và học. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, STEM và AI cơ bản cho học sinh, giáo viên.

đ) Chủ trì tham mưu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, kỹ năng số và an toàn thông tin. Phối hợp nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền các cơ chế phát triển nguồn nhân lực số trong các cơ quan nhà nước.

e) Chủ trì triển khai bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử và các nền tảng y tế số. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong khám bệnh, chữa bệnh và quản lý y tế.

f) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ số hóa di sản văn hóa, phát triển du lịch thông minh, cơ sở dữ liệu du lịch và các nền tảng quảng bá du lịch số. Phối hợp phát triển hệ sinh thái du lịch số, kết nối dữ liệu du lịch với các nền tảng dùng chung của tỉnh.

g) Chủ trì, tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Văn phòng HĐND&UBND xã

a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã trên môi trường số; xây dựng, khai thác các hệ thống phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định và trợ lý ảo phục vụ lãnh đạo và các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước.

b) Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã khai thác, sử dụng kho dữ liệu dùng chung hiệu quả thiết thực.

3. Phòng Kinh tế xã

a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ phát triển thương mại điện tử, kinh tế số ngành công thương, logistics số; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh. Phối hợp thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm OCOP và các sản phẩm chủ lực của xã trên các sàn thương mại điện tử.

b) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp thông minh, truy xuất nguồn gốc điện tử, dữ liệu nông nghiệp, dữ liệu môi trường và ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên, môi trường. Tổ chức xây dựng, cập nhật và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

c) Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Chuyển đổi số và quy định của pháp luật có liên quan; trên cơ sở đề xuất của các phòng, ngành, đơn vị tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã huy động nguồn lực xã hội hóa hợp pháp để thực

hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch (nếu có), đảm bảo lộ trình, thời gian thực hiện.

4. Công an xã: Chủ trì bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; triển khai các giải pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin. Triển khai hiệu quả Đề án 06, phổ cập định danh điện tử VNeID và khai thác dữ liệu dân cư phục vụ chuyển đổi số.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số.

6. Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông: Viettel, MobiFone, VNPT và các doanh nghiệp viễn thông khác

a) Chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp và phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng số, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng dữ liệu bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và xã hội số của xã.

b) Đẩy nhanh triển khai phủ sóng mạng di động băng rộng 5G trên địa bàn xã theo chỉ đạo của UBND tỉnh; ưu tiên trung tâm hành chính, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, khu du lịch, các khu vực tập trung đông dân cư và các khu vực phát triển kinh tế, có công ty, doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

c) Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng cáp quang băng rộng cố định; nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo đảm tỷ lệ hộ gia đình có khả năng tiếp cận Internet cáp quang đạt các mục tiêu của Kế hoạch.

d) Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã rà soát, xử lý các khu vực lõm sóng, vùng có chất lượng dịch vụ viễn thông thấp; bảo đảm người dân được tiếp cận dịch vụ viễn thông và Internet chất lượng cao.

đ) Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật phục vụ khai thác, sử dụng Trung tâm dữ liệu, Kho dữ liệu dùng chung, Trung tâm điều hành thông minh (IOC), các hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung.

e) Phối hợp triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh và thương mại điện tử.

g) Phối hợp với Công an xã, Phòng Văn hóa - Xã hội xã triển khai phổ cập chữ ký số cá nhân, định danh điện tử, thanh toán số và các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.

h) Tham gia tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, an toàn thông tin, kỹ năng sử dụng dịch vụ số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng và các chương trình chuyển đổi số của xã.

i) Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng đối với hạ tầng viễn thông, hạ tầng số do doanh nghiệp quản lý; phối hợp xử lý các sự cố an toàn thông tin theo quy định.

7. Chế độ báo cáo

a) Các phòng, ban, ngành, đơn vị xã liên quan định kỳ trước ngày 10 tháng 11 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Phòng Văn hóa - Xã hội xã để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân xã, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội xã để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân xã xem xét, giải quyết, báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đối với những phát sinh vượt thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Đại Đồng. Yêu cầu các phòng, ngành, đơn vị xã có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ - HĐND xã;
- Ban Thường vụ Đảng uỷ;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ngành, đơn vị, đoàn thể xã;
- Các đơn vị liên quan;
- Các ông (bà) Trưởng thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG THƯỜNG YÊN

Trần Văn Thành

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

T	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian
I	**HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH**				
1	Rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh	Sở KH&CN	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Báo cáo, văn bản đề xuất	Hằng năm
2	Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở KH&CN	Sở Tài chính, Sở Công Thương	Quyết định/Kế hoạch của UBND tỉnh	2026-2027
3	Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển dữ liệu số, dữ liệu mở	Sở KH&CN	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh	Văn bản hướng dẫn	2027
4	Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư phát triển hạ tầng số và trung tâm dữ liệu	Sở Tài chính	Sở KH&CN, Sở Xây dựng	Đề án, chính sách	2027
II	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ**				
5	Phổ cập hạ tầng cáp quang băng rộng chất lượng cao đến hộ gia đình	Sở KH&CN	Doanh nghiệp viễn thông, UBND cấp xã	Tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận Internet cáp quang đạt mục tiêu	2026-2030
6	Phủ sóng mạng di động 5G trên toàn tỉnh	Sở KH&CN	Doanh nghiệp viễn thông	100% xã, phường được phủ sóng 5G	2030
7	Xóa vùng lõm sóng viễn thông trên địa bàn tỉnh	Sở KH&CN	Doanh nghiệp viễn thông, UBND cấp xã	Báo cáo hoàn thành xử lý	Hằng năm

8	Ngầm hóa hạ tầng cáp viễn thông tại các đô thị, khu dân cư tập trung	Sở Xây dựng	Sở KH&CN, UBND cấp xã	Các tuyến cáp được ngầm hóa	2026-2030
9	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở KH&CN	Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm dữ liệu đáp ứng yêu cầu vận hành	2026-2028
10	Xây dựng, vận hành Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Hưng Yên	Sở KH&CN	Văn phòng UBND tỉnh, các sở ngành	Kho dữ liệu dùng chung	2026-2027
III	**PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ**				
11	Xây dựng danh mục dữ liệu mở của tỉnh	Sở KH&CN	Các sở ngành	Danh mục dữ liệu mở	2026
12	Chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu chuyên ngành	Các sở, ngành	Sở KH&CN	Dữ liệu được chuẩn hóa	2026-2030
13	Kết nối cơ sở dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia	Sở KH&CN	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống kết nối liên thông	2026-2030
14	Xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN	Nền tảng vận hành	2027
15	Phát triển dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp	Sở KH&CN	Các sở ngành	Bộ dữ liệu mở công khai	2026-2030
IV	**PHÁT TRIỂN AI VÀ CÔNG NGHỆ SỐ**				
16	Triển khai trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ công chức	Sở KH&CN	Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống trợ lý ảo	2027
17	Triển khai chatbot hỗ trợ người dân và doanh nghiệp	Sở KH&CN	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Chatbot hoạt động	2027
18	Ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN	Hệ thống phân tích dữ liệu	2028
19	Thí điểm mô hình AI trong giáo dục, y tế, nông nghiệp	Các sở chuyên ngành	Sở KH&CN	Mô hình thí điểm	2027-2030

V	**BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN**				
20	Triển khai đầy đủ mô hình bảo đảm ATTT 4 lớp	Công an tỉnh	Các cơ quan nhà nước	100% hệ thống đáp ứng yêu cầu	2027
21	Nâng cấp hệ thống giám sát ATTT (SOC) của tỉnh	Công an tỉnh	Sở KH&CN	Hệ thống SOC nâng cấp	2027-2028
22	Kiểm tra, đánh giá ATTT định kỳ	Công an tỉnh	Sở KH&CN	Báo cáo đánh giá	Hằng năm
23	Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố ATTT	Công an tỉnh	Các sở ngành, địa phương	Kế hoạch, báo cáo diễn tập	Hằng năm
VI	**PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC SỐ**				
24	Đào tạo kỹ năng số cho cán bộ lãnh đạo, quản lý	Sở Nội vụ	Sở KH&CN	Các lớp đào tạo	Hằng năm
25	Đào tạo chuyên sâu về dữ liệu số, AI, ATTT	Sở KH&CN	Các cơ sở đào tạo	Chứng nhận đào tạo	2026-2030
26	Đào tạo kỹ năng số cho CBCCVC	Sở Nội vụ	Sở KH&CN	Tỷ lệ CBCCVC được đào tạo	Hằng năm
27	Tổ chức phong trào "Bình dân học vụ số"	Sở KH&CN	UBND cấp xã	Chương trình triển khai	2026-2030
VI	**PHÁT TRIỂN CÔNG DÂN SỐ, XÃ HỘI SỐ**				
28	Phổ cập định danh điện tử VNeID	Công an tỉnh	UBND cấp xã	Tỷ lệ người dân được cấp VNeID	2026-2030
29	Phổ cập chữ ký số cá nhân	Sở KH&CN	Công an tỉnh, doanh nghiệp số	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	2030
30	Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt	Ngân hàng Nhà nước KV12	Các ngân hàng, UBND cấp xã	Tỷ lệ thanh toán số tăng	2026-2030
31	Duy trì hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng	UBND cấp xã	Sở KH&CN	Báo cáo kết quả hoạt động	Hằng năm

VI	**PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ**				
32	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở KH&CN	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Số doanh nghiệp được hỗ trợ	2026-2030
33	Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh	Sở Công Thương	Sở KH&CN	Báo cáo kết quả triển khai	2026-2030
34	Hỗ trợ sản phẩm OCOP tham gia sàn thương mại điện tử	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Số sản phẩm OCOP tham gia	2026-2030
35	Thúc đẩy thương mại điện tử địa phương	Sở Công Thương	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia TMĐT	2026-2030
36	Phát triển mô hình khu công nghiệp số	Ban Quản lý các KCN tỉnh	Sở KH&CN	Mô hình KCN số	2027-2030
IX	**PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ THEO NGÀNH**				
37	Phát triển nông nghiệp thông minh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở KH&CN	Mô hình nông nghiệp số	2026-2030
38	Triển khai truy xuất nguồn gốc điện tử	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương	Hệ thống truy xuất nguồn gốc	2026-2030
39	Phát triển trường học thông minh, học bạ số	Sở GD&ĐT	Sở KH&CN	Học bạ số, hồ sơ học tập số	2030
40	Triển khai bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Sở KH&CN	100% cơ sở y tế đủ điều kiện triển khai	2030
41	Phát triển du lịch thông minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở KH&CN	Nền tảng du lịch số	2026-2030
42	Số hóa di sản văn hóa tỉnh Hưng Yên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	Cơ sở dữ liệu di sản số	2030

X	**TUYÊN TRUYỀN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**				
43	Tuyên truyền về phát triển kinh tế số, xã hội số	Báo và PTTH Hưng Yên	Sở KH&CN	Chuyên trang, chuyên mục	Hằng năm
44	Kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch	Sở KH&CN	Các sở ngành, địa phương	Báo cáo kiểm tra	Hằng năm
45	Sơ kết giữa kỳ thực hiện Kế hoạch	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan	Báo cáo sơ kết	2028
46	Tổng kết đánh giá thực hiện Chương trình	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan	Báo cáo tổng kết	2030